

Số: 01/2026/QĐ-CBNLKĐXD
(Vv: Công bố năng lực đủ điều kiện
hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)

Thái Nguyên, ngày 04 tháng 04 năm 2026

CÔNG BỐ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi:

- Sở xây dựng tỉnh Thái Nguyên
- Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, Tư vấn thiết kế, Tư vấn giám sát, Nhà thầu thi công; Các tổ chức, Cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.

Căn cứ Nghị định số: 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số: 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số: 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ văn bản số: 865/SXD-QLCHĐXD về việc thực hiện quy định về phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/1/2026 của Chính Phủ.

Căn cứ năng lực thiết bị, năng lực nhân sự của Công ty.

Công ty TNHH XD và TM Việt Bắc BQP công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

I. Thông tin Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

1. Tên tổ chức: Công ty TNHH XD và TM Việt Bắc BQP

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 4601589940 do phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 23 tháng 3 năm 2022.

Địa chỉ trụ sở: Tổ 2, phường Quyết Thắng, tỉnh Thái Nguyên

Đại diện pháp luật: Nguyễn Văn Tích Chức vụ: Giám đốc

Mã số thuế: 4601589940

Website: <https://thinghiemkdxvietbac.vn>

Điện thoại: 0986 981 190

Email: tichct4@gmail.com

2. Thông tin phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu và kiểm định chất lượng công trình.

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Tổ 2, phường Quyết Thắng, tỉnh Thái Nguyên

Trưởng phòng: Nguyễn Văn Tích

Điện thoại: 0986 981 190

Email: tichct4@gmail.com

(Kế thừa năng lực kinh nghiệm, thiết bị, nhân sự của Phòng thí nghiệm mã số LAS-XD 214 do Bộ xây dựng cấp tại Giấy chứng nhận số: 121/GCN-BXD ngày 04/5/2022).

II. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

1. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm, tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng: (Danh mục kèm theo Quyết định này)
2. Danh mục máy móc thiết bị: (Danh mục kèm theo Quyết định này)
3. Danh mục cán bộ, thí nghiệm viên: (Danh mục kèm theo Quyết định này)
4. Quyết định này được công bố công khai tại (Web: <https://thinghiemkdxvietbac.vn>)

Công ty TNHH XD và TM Việt Bắc BQP cam kết thông tin công khai năng lực là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- SXD tỉnh Thái Nguyên
- Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng
- Web: <https://thinghiemkdxvietbac.vn>
- Lưu: VT



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Tích

DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM VÀ TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

(Kèm theo quyết định số: 01/2026/QĐ-CBNLKĐXD ngày 04 tháng 04 năm 2026 của Công ty TNHH XD và TM Việt Bắc BQP)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn* kỹ thuật	Thiết bị, dụng cụ
I Thử nghiệm cơ lý xi măng			
1	Xác định độ mịn, khối lượng riêng của xi măng.	TCVN 13605:2023	Sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật, tủ sấy, bình Le Chatelier, bể ổn nhiệt, phễu, dầu hỏa.
2	Xác định cường độ bền uốn, bền nén.	TCVN 6016: 2011, TCVN 7569: 2022, TCVN 9488: 2012	Tủ dưỡng hộ, cát tiêu chuẩn, máy trộn vữa, khuôn đúc 40x40x160mm; bay; bàn dằn; máy nén TYA-300C; gá uốn, gá nén.
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn; thời gian đông kết; độ ổn định thể tích	TCVN 6017: 2015, ASTM C191, ASTM C359, TCVN 9488:2012	Cân kỹ thuật, ống đong, máy trộn, dụng cụ vicat, khay ngâm mẫu.
II Thử nghiệm hỗn hợp bê tông và bê tông nặng			
1	Lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng mẫu	TCVN 3105 :2022	Khuôn đúc mẫu, tủ bảo dưỡng, bàn rung, thanh đầm, bay, chảo..
2	Xác định độ sụt, độ chảy xòe của hỗn hợp bê tông	TCVN 3105 :2022, TCVN 3106:2022,	Côn thử độ sụt, tấm nền, phễu đổ, thanh đầm, bay, thước.
3	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:2022	Khuôn thép 200x200x200mm, bàn rung, thanh đầm, cân, sàng, thước, tủ sấy, khay, thùng đong.
4	Xác định khối lượng riêng và độ rỗng	TCVN 3112:2022 ASTM C127	Bình khối lượng riêng, tủ sấy, cân kỹ thuật
5	Xác định độ hút nước, độ ẩm	TCVN 3113:2022	Cân kỹ thuật, thùng ngâm, tủ sấy, bàn chải, đá mài, bình hút ẩm.
6	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022	Cân kỹ thuật, thước đo, tủ sấy, bình hút ẩm, thùng kín.
7	Xác định độ chống thấm	TCVN 3116:2022	Máy thử độ chống thấm, bàn chải sắt, sơn chống thấm, tủ sấy
8	Xác định độ co	TCVN 3117:2022	Đồng hồ đo độ co ngót, tủ khí hậu.
9	Xác định giới hạn bền khi nén, khuyết tật ngoại quan	TCVN 3118:2022 BS 1881, TCVN 9114:2019, TCVN 9030:2017, TCVN 9034:2011	Máy nén bê tông TYA 2000, thước đo.
10	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022 ASTM C78, C293; BS 1881	Máy uốn bê tông TYA 2000, góe uốn, thước đo.

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn* kỹ thuật	Thiết bị, dụng cụ
11	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bừa	TCVN 3120:2022	Máy nén bê tông TYA 2000, gói truyền tải
III	Thử nghiệm cốt liệu cho bê tông và vữa		
1	Xác định thành phần cỡ hạt, hàm lượng hạt <0.075mm	TCVN 7572-2:2006 TCVN 9205: 2012	Cân kỹ thuật, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy.
2	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-5:2006	Cân kỹ thuật, bình dung tích, tủ sấy, thùng ngâm mẫu, cân thử độ sụt cốt liệu, phễu, bình hút ẩm
3	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu	TCVN 7572-5:2006	Cân kỹ thuật, cân thủy tĩnh, thùng ngâm mẫu, khăn thấm nước, thước kẹp, bàn chải sắt, tủ sấy.
4	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp, độ hồng	TCVN 7572-6:2006	Thùng đong, cân kỹ thuật, phễu chứa vật liệu, bộ sàng tiêu chuẩn
5	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006	Cân kỹ thuật, dụng cụ đảo mẫu, tủ sấy
6	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thùng rửa cốt liệu, đồng hồ bấm giây, tấm kính.
7	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006	Ống dung tích, cân kỹ thuật, thuốc thử, bếp cách thủy, thang màu
8	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN7572-10:2006	Máy kéo nén vạn năng, máy nén TYA-300C, máy cắt gia công mẫu, thước kẹp
9	Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN7572-11:2006	Máy nén TYA-2000, máy khoan, máy cưa cắt đá, máy mài, thùng ngâm mẫu.
10	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN7572-12:2006	Máy Los Angeles, cân kỹ thuật, tủ sấy, bi thép, bộ sàng.
11	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN7572-13:2006	Cân kỹ thuật, thước kẹp cải tiến, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy.
12	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN7572-17:2006	Cân kỹ thuật, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, búa, kim sắt.
13	Thiết kế thành phần cấp phối bê tông, vữa	TCVN4453:1995; TCVN4459:1987; TCVN3105:2022; TCVN10306:2014; TCVN10796:2015; TCVN5574:2012; CDKT 778/1998 ACI 211	- Cân, Khuôn đúc mẫu, tủ bảo dưỡng, bàn rung, thanh đầm, bay, chảo, máy trộn, máy nén TYA-2000, máy nén TYA-300C, thước kẹp.

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn* kỹ thuật	Thiết bị, dụng cụ
IV	Thử nghiệm cơ lý vữa xây dựng		
1	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022	- Sàng tiêu chuẩn, cân, tủ sấy.
2	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022	Cân kỹ thuật, thước kẹp, bàn rần, bay, khâu hình côn
3	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022	Cân kỹ thuật, bình đong bằng kim loại không gỉ
4	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn	TCVN3121-10:2022	Cân kỹ thuật, tủ sấy, cân thủy tĩnh, thước kẹp
5	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:2022	Máy nén TYA-300C, khuôn bằng thép, bàn dẫn mẫu, thùng dưỡng mẫu
6	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN3121-18:2022	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thùng ngâm mẫu
V	Thử nghiệm cơ lý gạch xây đất sét nung		
1	Xác định hình dạng, kích thước và khuyết tật	TCVN 6355-1:2009	Thước điện tử, nôm lá, thước rà
2	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:2009	Máy nén TYA-2000, thước đo, miếng kính phẳng, bay, chảo.
3	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009	Máy nén TYA-2000, thước đo, miếng kính, bay, chảo.
4	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	Tủ sấy, bể nước, cân kỹ thuật
5	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thước điện tử
6	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009	Thùng chứa mẫu, cân kỹ thuật
7	Xác định vết tróc do vôi	TCVN 6355-7:2009	Thùng giữ ẩm, thước điện tử
8	Xác định sự thoát muối	TCVN 6355-8:2009	Khay chứa nước, bàn chải, tủ sấy.
VI	Thử nghiệm gạch bê tông; Gạch bê tông tự chèn; Gạch xi măng lát nền.		
1	Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan, màu sắc, độ rỗng (nếu có)	TCVN 6477:2016; TCVN6476:1999; TCVN 6065:1995	Thước lá, thước kẹp, cân, cát khô, thước nivô.
2	Xác định cường độ nén, uốn.	TCVN 6477:2016; TCVN6476:1999; TCVN 6065:1995	Máy nén, tấm kính, bay, chảo.
3	Xác định độ hút nước	TCVN 6477:2016; TCVN6476:1999; TCVN 6355-4:2009	Tủ sấy, cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu.
4	Xác định độ thấm nước	TCVN 6477:2016; TCVN 6476:1999	Thiết bị thử thấm, khay chứa mẫu, đồ hồ bấm giờ.
5	Xác định độ mài mòn	TCVN 6476:1999; TCVN 6065:1995	Thước kẹp, cân kỹ thuật, tủ sấy, máy mài mòn...
VII	Thử nghiệm bê tông nhẹ-Sản phẩm bê tông khí chưng áp.		
1	Xác định kích thước; khuyết tật ngoại quan	TCVN 7959:2011; TCVN 9030:2011	Thước điện tử, nôm lá, thước rà

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn* kỹ thuật	Thiết bị, dụng cụ
2	Xác định cường độ nén	TCVN 7959:2011; TCVN 9030:2011	Máy nén TYA-2000, tủ sấy, bay, chảo trộn hồ xi măng, tấm kính.
3	Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích khô, Xác định độ co khô.	TCVN 7959:2011; TCVN 9030:2011	Tủ sấy, thước kẹp, cân kỹ thuật, tủ dưỡng mẫu..
VIII	Thử nghiệm gạch gốm ốp, lát; Đá ốp lát tự nhiên; Đá ốp lát nhân tạo		
1	Xác định kích thước và chất lượng bề mặt	TCVN 6415-2:2016; TCVN 4732:2016; TCVN 8057:2009	Bàn rà, thước rà, nôm, đồng hồ đo
2	Xác định độ hút nước, độ xốp biểu kiến, khối lượng riêng tương đối và khối lượng thể tích	TCVN 6415-3:2016	Tủ sấy, cân, bình hút ẩm, khăn ẩm, giỏ, cốc chứa, bình hút chân không.
3	Xác định độ bền uốn và lực uốn gãy	TCVN 6415-4:2016	Tủ sấy, thanh đỡ hình trụ, máy uốn.
4	Xác định độ bền mài mòn sâu đối với gạch không phủ men	TCVN 6415-6:2016	Thiết bị mài mòn sâu, dụng cụ đo.
5	Xác định độ bền mài mòn bề mặt	TCVN 6415-7:2016; TCVN 4732:2016; TCVN8057:2009	Bi thép các loại, thiết bị mài mòn, tủ sấy, cân.
6	Xác định độ cứng bề mặt theo thang Mohs	TCVN6415-18:2016	Bộ đo độ cứng thang Mohs
IX	Thử nghiệm gạch TERAZO		
1	Kiểm tra khuyết tật ngoại quan, sai lệch kích thước	TCVN 7744:2013	Thước kẹp điện tử, thước lá, nivo
2	Độ hút nước bề mặt theo khối lượng	TCVN 7744:2013	Tủ sấy, cân kỹ thuật, khăn ẩm, thùng chứa nước, bàn chải.
3	Xác định độ chịu mài mòn	TCVN 7744:2013; TCVN 6065:1995	Máy thử mài mòn, cân kỹ thuật, thước cặp, tủ sấy.
4	Xác định độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009	Máy thử uốn, thước đo.
X	Thử nghiệm Ngói		
1	Xác định kích thước hình học, khuyết tật ngoại quan của ngói	TCVN1452:2023; TCVN1453:2023; TCVN4313:2023; TCVN9133:2011	Thước lá kim loại, thước kẹp, nivo, kính
2	Xác định tải trọng uốn gãy	TCVN4313:2023; TCVN1453:2023	Thiết bị thử uốn, bay, chảo, thước.
3	Xác định độ hút nước	TCVN4313:1995	Tủ sấy, cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu.
4	Xác định khối lượng một mét vuông ngói bão hòa nước	TCVN4313:1995	Thước, tủ sấy, thùng ngâm mẫu.

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn* kỹ thuật	Thiết bị, dụng cụ
5	Xác định kích thước hình học, khuyết tật ngoại quan của ngói	TCVN4313:2023; TCVN1452:2023; TCVN9133:2011	Thước lá kim loại, thước kẹp, nivo
XI	Thử nghiệm dây điện, cáp điện, cáp quang.		
1	Xác định kích thước, độ bền kéo và độ dẫn dài của vỏ và ruột dẫn.	TCVN 6614:2008; TCVN 5936:2013; TCVN 5935:2013;	Máy thử kéo, dao cắt mẫu, thước cặp, thước đo chiều dài.
2	Xác định điện trở cách điện.	TCVN 5935:2013	Máy đo điện trở cách điện HIOKI IR4056-2, nguồn điện, dây nối và kẹp điện, nhiệt kế.
3	Xác định điện trở 1 chiều ở 20°C.	TCVN 6612:2007; TCVN 5935:2013; TCVN 6610:2014	Đồng hồ đo miliohm GOM-804, thước đo, nhiệt kế.
XII	Thử nghiệm bột bả tường, sơn .		
1	Xác định trạng thái sơn trong thùng chứa, đặc tính thi công và độ ổn định ở nhiệt độ thấp và ngoại quan màng sơn, màu sắc của sơn	TCVN 8653:2012; TCVN 8791:2018; TCVN 2102:2008	Chổi quét sơn, tấm nền thử, bình đựng mẫu, tủ lạnh, tủ sấy, que khuấy, nguồn sáng để quan sát màng sơn...
2	Xác định cường độ bám dính bột bả; Xác định độ bám dính màng sơn	TCVN 2097:2015; TCVN 7239:2014; TCVN 8791:2018; ASTM3359; ASTM D 4541	Dao cắt, thước, kính lúp, tấm nền.
3	Xác định thời gian khô	TCVN 2096:2015; TCVN 8791:2018	Máy JLD-8612, đĩa cao su, miếng vải, quả cân, đồng hồ bấm giờ.
4	Xác định thời gian đông kết, độ giữ nước của bột bả,	TCVN 6017:2015	Cân, ống đong, máy trộn, dụng cụ vicat, khay ngâm mẫu, máy hút chân không ...
5	Xác định độ mịn	TCVN 2091:2015; TCVN8786:2018; TCVN 13605:2023	Thước đo độ mịn, dao gạt...
6	Phương pháp xác định độ phủ	TCVN 2095:1993	Thiết bị tạo mẫu, phủ mẫu.
7	Độ chống trượt	TCVN10271:2014	Con lắc anh, bình xịt nước, chổi mềm, biển cảnh báo giao thông, thước đo.
8	Độ phản quang	TCVN 8791:2018; TCVN 8786:2018;	Máy đo độ phản quang
9	Chiều dày sơn	TCVN 8791:2018	Thiết bị đo chiều sơn
XIII	Thử nghiệm tấm thạch cao		
1	Xác định kích thước, độ sâu gờ vuốt thon	TCVN 8257-1:2009 TCVN 8257-1:2023	Thước điện tử, thước rà
2	Xác định độ cứng gờ, lõi, cạnh	TCVN 8257-2:2009	Máy thử cơ lý, đồng hồ đo biến dạng, giá đỡ mẫu

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn* kỹ thuật	Thiết bị, dụng cụ
3	Xác định cường độ chịu uốn	TCVN 8257-3:2009	Máy thử cơ lý, gối đỡ, thanh truyền lực.
4	Xác định độ kháng nhỏ đinh	TCVN 8257-4:2009	Máy thử cơ lý, máy khoan, thước điện tử.
5	Xác định độ hút nước	TCVN 8257-6:2009	Bể nước, cân điện tử
XIV	Thử nghiệm tấm xi măng sợi		
1	Xác định kích thước	TCVN 8259-1:2009	Thước rà, nệm lá, thước điện tử
2	Xác định cường độ chịu uốn	TCVN 8259-2:2009	Máy thử cơ lý, thước thước đo.
3	Xác định khả năng chống thấm nước	TCVN 8259-6:2009	Hệ khung gá thép.
4	Xác định độ bền nước nóng	TCVN 8259-7:2009	Hệ khung gá thép, tủ khí hậu.
XV	Thử nghiệm cơ lý BENTONITE		
1	Xác định khối lượng riêng	TCVN 11893:2017	Tỷ trọng kế
2	Xác định độ ổn định.	TCVN 11893:2017	Ống đong 1000mL, tỷ trọng kế.
3	Xác định độ nhớt	TCVN 11893:2017	Phễu Marsh, cốc vạch chia mức, nhiệt kế.
4	Xác định độ dày áo sét	TCVN 11893:2017	Dụng cụ đo lượng mất nước
5	Xác định lực lượng cắt tĩnh	TCVN 11893:2017	Lực kế cắt tĩnh
6	Xác định độ pH	TCVN 11893:2017	Giấy thử pH, máy đo pH
XVI	Thử nghiệm cơ lý bê tông nhựa		
1	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011	Bộ máy nén Marshall, tủ sấy, bể ổn nhiệt
2	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011	Máy quay li tâm, tủ sấy, bếp điện, lò nung, bình hút ẩm, cân kỹ thuật
3	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011	Bộ sàng, máy lắc sàng, tủ sấy, cân kỹ thuật
4	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011	Bình đựng mẫu, cân kỹ thuật, máy hút chân không, áp kế, nhiệt kế, tủ sấy, khay đựng mẫu
5	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011	Cân kỹ thuật, thước kẹp, tủ sấy, bàn cân thủy tĩnh, khăn lau.
6	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011	Tủ sấy, rọ đựng mẫu, đĩa kim loại, dụng cụ trộn, cân kỹ thuật
7	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011	Ống đong, phễu, giá đỡ, cân, dao gạt, và các dụng cụ khác
8	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011	Cân kỹ thuật, cân thủy tĩnh, tủ sấy, bình ngâm mẫu, các dụng cụ khác
9	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011	
10	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011	
11	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN8860-11:2011	
12	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN8860-12:2011	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn* kỹ thuật	Thiết bị, dụng cụ
13	Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý vật liệu tái chế	TCVN 13150:2020	Chảo, cân, bay trộn, nhiệt kế, bộ sàng
14	Thiết kế hỗn hợp bê tông nhựa nóng theo phương pháp Marshall	TCVN 8820:2011	Công thức tính toán; thiết bị như quy định tại mục 9.2 của TCVN 8820:2011
XVII	Thử nghiệm nhựa Bitum		
1	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005	Bộ thiết bị đo độ kim lún, nhiệt kế, đồng hồ đo thời gian
2	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005	Khuôn, bồn nước bảo ôn nhiệt, thiết bị kéo giãn dài nhựa
3	Xác định nhiệt điểm hoá mềm (PP dụng cụ vòng và bi)	TCVN 7497:2005	Vòng, tấm lót, bi, nhiệt kế và các dụng cụ khác
4	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hở Cleveland	TCVN 7498:2005	Cốc hở, dụng cụ đo nhiệt độ, bếp điện
5	Xác định lượng tổn thất khối lượng sau khi gia nhiệt	TCVN 7499:2005	Tủ sấy, giá quay, nhiệt kế, cốc mẫu.
6	Xác định độ hoà tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500:2005	Cốc gooch, lưới sợi thủy tinh, ống lọc, bình lọc, ống cao su, tủ sấy, hóa chất
7	Xác định khối lượng riêng (phương pháp Pycnometer)	TCVN 7501:2005	Tỷ trọng kế, bình ổn nhiệt, nhiệt kế
8	Xác định hàm lượng parafin	TCVN 7503:2005	Tủ sấy, nhiệt kế, bình chưng cất, vòng kim loại, bình hút ẩm, cân kỹ thuật
9	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005	Bình thủy tinh, dây buộc, bếp điện, nhiệt kế
XVIII	Thử nghiệm nhựa đường lỏng		
1	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 8818-2:2011	Nhiệt kế, bộ dụng cụ xác định nhiệt độ bắt lửa
2	Xác định hàm lượng nước	TCVN 8818-3:2011	Bình chưng cất, bếp điện, ống hứng, ống ngưng, dung môi
3	Thử nghiệm chưng cất	TCVN 8818-4:2011	Bình chưng cất, ống ngưng, ống dẫn hướng, vỏ chắn, bếp điện, nhiệt kế
4	Thử nghiệm xác định độ nhớt tuyệt đối (sử dụng nhớt kế mao dẫn chân không)	TCVN 8818-5:2011	Các loại nhớt kế, nhiệt kế, bể ổn nhiệt, đồng hồ đo, hóa chất
XIX	Thử nghiệm nhũ tương nhựa đường axit		
1	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3:2011	Cân kỹ thuật, pipet, tủ sấy
2	Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-7:2011	Tủ sấy, cân kỹ thuật, ống đong, sàng

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn* kỹ thuật	Thiết bị, dụng cụ
3	Thử nghiệm chung cát	TCVN 8817-9:2011	Cân kỹ thuật, sàng, nhiệt kế, ống đong
4	Thử nghiệm bay hơi	TCVN 8817-10:2011	Tủ sấy, cân kỹ thuật, cốc, sàng
5	Xác định trộn lẫn với nước	TCVN 8817-13:2011	Ống đong, cốc thủy tinh, nhiệt kế, nước cất
6	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14:2011	Cân kỹ thuật, bể, bình đong
7	Xác định độ bám dính với cốt liệu hiện trường	TCVN 8817-15:2011	Cốc, chảo, ống đong, dao trộn, sàng
XX	Thử nghiệm cơ lý vật liệu bột khoáng trong bê tông nhựa		
1	Thành phần hạt	TCVN 12884:2020	Cân kỹ thuật, tủ sấy, Sàng mắt vuông gồm có 3 cỡ sàng 0,075 mm; 0,300 mm; 0,600 mm, bình hút ẩm.
2	Độ ẩm	TCVN 12884:2020	Cân kỹ thuật, tủ sấy, khay sấy.
3	Khối lượng riêng của bột khoáng	TCVN 8735:2012	Bình tỷ trọng, cân kỹ thuật, tủ sấy, nhiệt kế, bình hút ẩm, bình hút chân không, sàng (0.25mm), cốc, bếp đun cách cát, khay, dầu hỏa.
4	Chỉ số dẻo của bột khoáng	TCVN 4197:2012	Dụng cụ thử giới hạn chảy dẻo, tủ sấy, bình hút ẩm, cân kỹ thuật, sàng có đường kính lỗ 1mm, cốc nhôm và các dụng cụ khác
5	Hệ số thích nước	TCVN 12884:2020	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bát sứ, chày, đĩa thủy tinh, nước cất, ống đong, dầu hỏa.
XXI	Thử nghiệm vật liệu kim loại và liên kết hàn		
1	Thử kéo	TCVN1651:2018; TCVN 197:2014; TCVN 7937:2013; (ISO 6892-1:2009) ASTM A370	Máy kéo nén vạn năng và các dụng cụ khác
2	Thử uốn	TCVN1651:2018; TCVN 198:2008; (ISO 7438:2005) TCVN6287:1997	Máy kéo nén vạn năng và các dụng cụ khác
3	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại – thử uốn	TCVN 5401:2010	Máy kéo nén vạn năng và các dụng cụ khác
4	Thử phá hủy mối hàn trên vật liệu kim loại – thử kéo ngang	TCVN 8310:2010	Máy kéo nén vạn năng và các dụng cụ khác
5	Thử phá hủy mối hàn trên vật liệu kim loại-Thử kéo dọc	TCVN 8311:2010	Máy kéo nén vạn năng và các dụng cụ khác

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn* kỹ thuật	Thiết bị, dụng cụ
6	Vật liệu kim loại ống – Thử nén bẹp	TCVN 1830 : 2008; ISO 8492 : 1998	Máy kéo nén vạn năng và các dụng cụ khác
7	Thử phá hủy mối hàn trên vật liệu kim loại – thử va đập – vị trí mẫu thử, hướng rãnh khía và kiểm tra	TCVN 5402:2010	Máy kéo nén vạn năng và các dụng cụ khác
8	Thép làm cốt bê tông và bê tông dự ứng lực – PP thử - phần 1: Thanh, đánh và dây dung làm cốt	TCVN 7937-1:2013	Máy kéo nén vạn năng và các dụng cụ khác
9	Thép làm cốt bê tông và bê tông dự ứng lực – PP thử - phần 2: Lưới thép	TCVN 7937-2:2013	Máy kéo nén vạn năng và các dụng cụ khác
10	Thép làm cốt bê tông và bê tông dự ứng lực – PP thử - phần 3: thép dự ứng lực	TCVN 7937-3:2013	Máy kéo nén vạn năng và các dụng cụ khác
11	Thử kéo bulong	TCVN 1916:1995; TCVN 197:2014	Máy kéo nén vạn năng, gá bu lông..
12	Thử không phá hủy – PP thử hạt từ.	TCVN 4396:2018	Máy thử từ, bột từ, đèn pin...
13	Kiểm tra không phá hủy mối hàn – PP siêu âm.	TCVN 6735:2000; TCVN1548:1987	Máy siêu âm, gel bôi, và các dụng cụ khác
14	Thử không phá hủy - Thử thấm thấu	TCVN 4617-2018; ISO 3452-2012	Thiết bị phun xịt, vải, bàn chải, đèn pin...
15	Vật liệu kim loại ống- Thử nén bẹp.	TCVN 1830: 2008; ISO 8492:1998	Máy kéo nén vạn năng và các dụng cụ khác
16	Thử nghiệm lưới thép hàn, rọ đá, thảm đá.	TCVN 9391:2012; ASTM D1203; ASTM D792;	Máy kéo nén vạn năng, thước kẹp điện tử...
17	Xác định chiều dày lớp mạ, lớp phủ.	TCVN 5878:2007; TCVN 9406:2012; TCVN 7470:2005	Máy đo chiều dày lớp sơn, phủ, mạ (0-1250 μ M, đầu đo từ tính).
18	Thử áp lực hệ thống ống thép, ống gang, ống kẽm, ống đồng.	TCVN 2942:1993; TCVN 7972:2008; TCVN 6149:2007	Thiết bị thử áp lực và các dụng cụ khác.
XXII	Thử nghiệm đất, cát đắp, cấp phối đá dăm, sỏi, vật liệu dạng hạt		
1	Xác định khối lượng riêng, tỷ trọng, khối lượng thể tích	TCVN 4195:2012; TCVN 7572:2006 ASTM D854, AASHTO T100	Cân kỹ thuật, tủ sấy, cối sứ, bình tỷ trọng, tỷ trọng kế, nước cất, dầu hỏa, bơm chân không, và các dụng cụ khác
2	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012	Tủ sấy, bình hút ẩm, cân kỹ thuật, sàng có đường kính lỗ 1mm và các dụng cụ khác

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn* kỹ thuật	Thiết bị, dụng cụ
3	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012 ASTM D4318, AASHTO T89, T90	Dụng cụ thử giới hạn chảy dẻo, tủ sấy, bình hút ẩm, cân kỹ thuật, rây có đường kính lỗ 1mm, cốc nhôm và các dụng cụ khác
4	Xác định thành phần hạt	TCVN 4198:2014; TCVN 7572:2006 ASTM D421, AASHTO T88, AASHTO M145	Bộ sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật, tủ sấy, bình hút ẩm, dụng cụ nghiền đất.
5	Xác định đầm chặt tiêu chuẩn	TCVN12790:2020; TCVN 4201:2012 AASHTO T99 ASTM D1557	Cân kỹ thuật, tủ sấy, sàng 19mm, 4,75mm, bộ cối đầm chặt tiêu chuẩn.
6	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012	Cân kỹ thuật, bình tỷ trọng, tủ sấy
7	Xác định tỷ số CBR trong phòng	TCVN 12792:2020	Thiết bị gia tải, cối, khuôn, tấm gia tải, đồng hồ đo biến dạng, bể ngâm mẫu, cân, sàng 19mm,4,75mm và các dụng cụ khác
XXIII	Thử nghiệm tại hiện trường		
1	Cọc - phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012	Hệ gia tải, kích, bơm thủy lực, đồng hồ đo biến dạng, đầm I300...
2	Xác định độ chặt của đất bằng phương pháp dao đai	22TCN 02:1971; ASTM D2937, TCVN 12791:2020, TCVN 8729:2012	Bộ dụng cụ dao đai, cân kỹ thuật, thanh gạt, bếp ga...
3	Xác định độ chặt nền, móng đường bằng phễu rót cát	22TCN 346:2006, ASTM D1556, AASHTO T 191, TCVN 8729:2012	Bộ dụng cụ rót cát, cân kỹ thuật, bếp ga...
4	Xác định độ bằng phẳng bằng thước 3m	TCVN 8864:2011	Thước 3m đo độ bằng phẳng, chổi quét, biển cảnh báo.
5	Xác định modul đàn hồi của nền đất và các kết cấu áo đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011	Hệ thống chất tải, hệ kích gia tải, đồng hồ đo biến dạng, tấm ép cứng...
6	Xác định modul đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo vồng Benkelman	TCVN 8867:2011	Xe chất tải, đồng hồ đo biến dạng, cần Benkelman, giấy kẻ ly, mỡ.
7	Xác định độ nhám mặt đường bằng PP rắc cát	TCVN 8867:2011	Cát tiêu chuẩn, ống đồng, thước lá, bàn chải cứng chổi mềm
8	Xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường	TCVN 8821:2011; ASTM4429	Kích gia tải, bộ dụng cụ CBR hiện trường

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn* kỹ thuật	Thiết bị, dụng cụ
9	Xác định cường độ kéo nhỏ bu long, vít, vít cấy và đai ốc	TCVN 1916-1995; TCVN 9490-2012; TCVN 9491:2012; ASTM E1512 ; (ASTM C900-06)	Kích nhỏ neo, đồng hồ áp lực, nệm nhỏ neo, gá nhỏ neo.
10	Phương pháp xác định cường độ nén bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012	Búa thử bê tông, đá mài...
11	Thử tải ống cống, cống hộp bê tông cốt thép	TCVN 9113:2012; TCVN 9116:2012	Kích thủy lực, bơm thủy lực, hệ khung thép, pa lăng...
12	Phương pháp xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ kết cấu	TCVN 12252: 2020; TCXDVN 239:2006	Máy khoan rút lõi, máy nén bê tông, tấm kính, bột thủy chuẩn, máy cắt, bột capping mẫu, thước kẹp điện tử
13	Bê tông – Xác định cường độ kéo nhỏ	TCVN 9490:2012; ASTM C900-06	Hệ thống gia tải, đồng hồ áp lực, đồng hồ đo lực
14	Thử nghiệm cấu kiện đúc sẵn: Bó vữa, đế cống, tấm lát mái kênh, mặt đường, mương bê tông cốt thép, hào kỹ thuật, nắp hố ga, song chắn rác.	TCVN 10797:2015, TCVN 10799:2015, TCVN 10798:2015, TCVN 10800:2015, TCVN 6394:2014, TCVN 10332:2014, TCVN 10333:2014	Máy nén, súng bật nảy, máy khoan bê tông, máy cắt, bột capping mẫu, khung nén, kích thủy lực, thước cặp điện tử...
15	Chống sét cho công trình xây dựng	TCVN 9385-2012	Máy đo điện trở, búa, dũa, kìm..
16	Xác định sức kháng trượt của bề mặt đường bằng PP con lắc Anh	TCVN10271:2014	Con lắc anh, bình xịt nước, chổi mềm, biển cảnh báo giao thông, thước đo.
XXIV	Thử nghiệm Ống nhựa và hệ thống phụ tùng bằng nhựa		
1	Xác định kích thước hình học, khuyết tật ngoại quan.	TCVN 8491:2011 TCVN 11821:2017 TCVN6145:2007 DIN8074	Thước đo, thước kẹp.
2	Xác định độ bền với áp suất bên trong; Xác định độ bền thủy tĩnh	TCVN 6149:2007, DIN 8078, ASTM D679	Thiết bị thử áp lực, đầu bịt, thước kẹp, keo..
3	Xác định độ bền kéo, xác định độ dẫn dài khi đứt	TCVN 7434:2004	Máy kéo đa năng, dao cắt mẫu, thước kẹp điện tử...
4	Xác định độ bền va đập	TCVN 6144:2003 EN744:1995 TCVN6147	Thiết bị thử va đập, quả tải, thước đo.
5	Thử nghiệm ống nhựa PVC, PPR, HDPE	DIN 8077, DIN8078, DIN 8074, DIN 8075, TCVN 6148:2007, DIN 8074, ISO 326, TCVN 6145:2007	Thước đo, thước kẹp, thiết bị thử áp lực, đầu bịt, thước kẹp, keo, máy kéo nén đa năng, dao cắt mẫu, Thiết bị thử va đập, quả tải, thước đo.

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn* kỹ thuật	Thiết bị, dụng cụ
6	Thử nghiệm ống nhựa luôn dây điện PVC	IEC 614, TCVN 7997:2009, TCVN 9070:2012, BS 6099	Thước đo, thước kẹp, thước kẹp, máy kéo nén đa năng, dao cắt mẫu, Thiết bị thử va đập, quả tải, thước đo.
XXV	Thử nghiệm gỗ tự nhiên, gỗ nhân tạo		
1	Thử nghiệm gỗ tự nhiên gỗ ghép thanh: Thử kéo, uốn, xác định khối lượng thể tích, độ ẩm, độ co ngót, kích thước hình học	TCVN 8048:2009; TCVN 8574:2010; TCVN 8576:2010; TCVN 8577:2010	Cân, tủ sấy, bình hút ẩm, thước đo, máy kéo uốn đa năng...
2	Thử nghiệm gỗ nhân tạo: Thử kéo, uốn, xác định khối lượng thể tích, độ co ngót, độ trương nở sau khi ngâm nước, độ bền kéo vuông góc với mặt ván, kích thước hình học.	TCVN 7753:2007, TCVN 7754:2007, TCVN 7755:2007, TCVN 7756:2007, BS EN 13329:06, TCVN 7752:2007, TCVN 7751:2007, TCVN 7750:2007	Cân, tủ sấy, bình hút ẩm, thước đo, máy kéo uốn đa năng...
XXVI	Thử nghiệm tấm song PVC cứng		
1	Sai lệch kích thước, độ thẳng cạnh, độ vuông góc, độ phẳng; Thử bẻ gập; Mài mòn bề mặt; Độ bền uốn; Modun đàn hồi; Nhiệt độ làm biến dạng; Độ dày lớp sơn; Độ bền va đập; Tính chịu nước sôi;	TCVN 5841:1994; ASTM D790-03; ASTM D648-07	Máy cắt, tủ sấy, thước, máy thử kéo nén, bộ thử va đập,
XXVII	Thử nghiệm nhôm và hợp kim nhôm gia công áp lực que/thanh, ống và sản phẩm định hình ép đùn		
1	Sai lệch kích thước, độ thẳng cạnh, độ vuông góc, độ phẳng; Độ bền nén; Độ bền va đập.	TCVN 5841:1994; TCVN 5819:1994; ASTM D621:1998; ASTMD5628:2010	Máy cắt, tủ sấy, thước, máy thử kéo nén, bộ thử va đập.
XXVIII	Thử nghiệm phân tích nước cho xây dựng		
1	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4506:2012; TCVN 4560:1998	Tủ sấy, lò nung, bình hút ẩm, bát sứ, chén sứ, chén nung, phễu lọc, giấy lọc, cân.
2	Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:2012	Cân kỹ thuật
3	Xác định độ PH	TCVN 6492:11	Máy đo độ pH
4	Xác định hàm lượng ion Clorua (Cl-)	TCVN 6194: 96; ASTM D512:04	Hóa chất, cốc, pitpet, phễu lọc, giấy lọc.
5	Xác định hàm lượng ion sunfat (S04-)	TCVN 6200: 96; ASTM D516:102	Hóa chất

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn* kỹ thuật	Thiết bị, dụng cụ
XXIX	Thử nghiệm vải địa kỹ thuật		
1	Vải địa kỹ thuật xác định: Lực kéo giật và độ dẫn dài kéo giật ; Lực xé rách hình thang , Lực xuyên thủng CBR; Lực kháng xuyên thủng; áp lực kháng bụi; Kích thước lỗ biểu kiến; trọng lượng trên đơn vị diện tích; chiều dày tiêu chuẩn; Cường độ chịu kéo theo phương dọc và phương ngang; Độ dẫn dài khi kéo đứt	TCVN8871:2011 ASTM D6241:00; ASTM D4533-11; ASTM D4595; ASTM D5261; TCVN 8487:2010; ASTM D5199; ASTM D4491:99 ASTM D4716:03	Máy kéo nén vạn năng; bơm cao áp; thước đo
XXX	Băng cản nước, cao su, chất dẻo		
1	Kích thước	TCVN 9407-2014	Thước đo điện tử
2	Khối lượng riêng	TCVN 4866: 2007	Cân kỹ thuật, bình tỷ trọng
3	Độ cứng shore A	TCVN 1595-1:2007	Máy kéo nén vạn năng, thước đo độ cứng.
4	Cường độ chịu kéo và độ giãn dài khi đứt	TCVN9407:2014; TCVN 4509:2006 TCVN 9384:2012, TCVN 4501:2009, ASTM D412	Máy kéo nén vạn năng, thước đo, thước kẹp, dao cắt.
XXXI	Kính xây dựng		
1	Xác định hình dạng và kích thước, các khuyết tật ngoại quan	TCVN 7219:2018	Thước, kính quan sát
2	Kính dán an toàn nhiều lớp – Phương pháp thử độ bền va đập – Phương pháp thử va đập rơi bi	TCVN 7368:2013	Thiết bị thử va đập bi rơi

Ghi chú (*): Các chỉ tiêu kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

DANH MỤC MÁY MÓC THIẾT BỊ

(Kèm theo quyết định số: 01/2026/QĐ-CBNLKĐXD ngày 04 tháng 04 năm 2026 của Công ty TNHH XD và TM Việt Bắc BQP)

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Máy kiểm tra độ bền kéo, độ bền uốn của thép Model: WE-1000B	Trung quốc	Chiếc	01	
2	Thiết bị kiểm tra khuyết tật bề mặt kim loại (Gông từ) Model: CJE-12/220	Trung quốc	Chiếc	01	
3	Máy siêu âm kiểm tra khuyết tật mối hàn kim loại Model: XUT560C	Trung quốc	Chiếc	01	
4	Máy thí nghiệm kéo nén đa năng 100kN-Loại Cao cấp	Trung quốc	Chiếc	01	
5	Máy nén thí nghiệm cường độ bê tông xi măng TYA-2000	Trung quốc	Chiếc	03	
6	Máy thử độ thấm của bê tông Model: HP-4.0 gồm Gá mẫu thấm bê tông	Trung quốc	Chiếc	01	
7	Thiết bị thử độ cứng bê tông	Trung quốc	Chiếc	01	
8	Máy nén thí nghiệm cường độ xi măng TYA-300C	Trung quốc	Chiếc	02	
9	Tủ dưỡng hộ mẫu xi măng Model: HBY-40B	Trung quốc	Chiếc	01	
10	Tủ sấy (0-300) ⁰ C	Trung quốc	Chiếc	01	
11	Máy thí nghiệm mài mòn Los Angeles	Trung quốc	Chiếc	01	
12	Cân điện tử 30kg x 1g - Hãng OHAUS	Mỹ	Cái	02	
13	Cân điện tử 30kg x 1g	Trung quốc	Cái	01	
14	Máy đầm PROTOR tự động	Trung quốc	Chiếc	01	
15	Cung lực 50KN	Trung quốc	Chiếc	01	
16	Máy đầm Marshall	Trung quốc	Chiếc	01	
17	Cung lực 30KN	Trung quốc	Chiếc	01	
18	Máy chiết nhựa 3000g	Trung quốc	Chiếc	01	
19	Cân 6000x0,01g	Nhật Bản	Cái	01	
20	Thiết bị đo độ giãn dài nhựa đường bao gồm cả khuôn mẫu chuẩn hình số 8, đế khuôn đúc mẫu	Trung quốc	Bộ	01	
21	Thiết bị kim lún nhựa tự động, cóc, bộ kim lún	Trung quốc	Bộ	01	
22	Thiết bị hoá mềm nhựa tự động, cóc thủy tinh, giá đỡ, vòng khuyên, bi.	Trung quốc	Bộ	01	
23	Thiết bị thí nghiệm bốc cháy nhựa, nhiệt kế	Trung quốc	Bộ	01	
24	Máy mài mòn gạch tráng men Model: LM-8	Trung quốc	Chiếc	01	
25	Máy mài mòn sâu của gạch	Trung quốc	Chiếc	01	
26	Máy mài mòn đá SM-4	Trung quốc	Chiếc	01	
27	Thiết bị đo chiều dày sơn	Trung quốc	Chiếc	01	
28	Con lắc Anh	Trung quốc	Bộ	01	

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
29	Máy đo phản quang sơn kẻ đường Model: LA-302E	Trung quốc	Chiếc	01	
30	Đồng hồ đo miliohm GOM-804 đo điện trở dây điện, cáp điện	Nhật bản	Chiếc	01	
31	Máy đo điện trở cách điện HIOKI IR4056-21	Nhật bản	Chiếc	01	
32	Máy đo độ pH cầm tay	Trung quốc	Cái	01	
33	Bơm thử áp lực nước đường ống	Trung quốc	Chiếc	01	
34	Máy đo chiều dày lớp sơn, phủ, mạ (0-1250 μ M, đầu đo từ tính)	Trung quốc	Cái	01	
35	Đồng hồ đo độ cứng cao su -điện tử Model: Shore A	Trung quốc	Cái	01	
36	Bộ cân Benkenman	Việt Nam	Bộ	01	
37	Kích nhỏ neo 30 tấn hành trình 100mm, nêm nhỏ neo, gá nhỏ bu lông.	Trung quốc	Chiếc	01	
38	Kích thủy lực 150 tấn, hành trình 100mm	Trung quốc	Chiếc	01	
39	Đồng hồ so, đo biến dạng 50mm, gá từ giữ đồng hồ so.	Trung quốc	Bộ	03	
40	Đồng hồ so, đo biến dạng 10mm	Trung quốc	Cái	06	
41	Máy đo điện trở đất KYORITSU	Thái Lan	Chiếc	01	
42	Bộ xác định khối lượng thể tích lớn nhất của bê tông nhựa (3 bình tỷ trọng 1000ml, 1 bình 2500ml, máy hút chân không)	Trung quốc	Bộ	01	
43	Máy trộn bê tông 150L	Trung quốc	Chiếc	01	
44	Máy trộn vữa xi măng thí nghiệm - Model: JJ-5	Trung quốc	Chiếc	01	
45	Máy dẫn vữa xi măng tiêu chuẩn	Trung quốc	Chiếc	01	
46	Thùng hấp mẫu xi măng -Dung tích: 20 lít	Trung quốc	Chiếc	01	
47	Bàn dẫn vữa xi măng.	Trung quốc	Cái	01	
48	Bộ dụng cụ Vicat	Trung quốc	Bộ	01	
49	Bếp cách thủy HH-2	Trung quốc	Cái	01	
50	Bộ đo độ cứng thang Mohs	Trung quốc	Bộ	01	
51	Bộ xác định đương lượng cát	Trung quốc	Cái	01	
52	Máy lắc sàng D300	Trung quốc	Chiếc	01	
53	Lò nung 1000°C.	Trung quốc	Chiếc	01	
54	Bộ thí nghiệm hòa tan trichloroethylene	Trung quốc	Bộ	01	
55	Thiết bị tổn thất khi nung	Trung quốc	Bộ	01	
56	Thiết bị kiểm tra độ thấm của gạch	Trung quốc	Bộ	01	
57	Bộ tấm ép mẫu gạch tự chèn tiêu chuẩn (2 tấm/bộ)	Việt Nam	Bộ	01	
58	Thước đo độ mịn sơn	Trung quốc	Cái	01	
59	Thước thử bám dính sơn	Trung quốc	Cái	01	
60	Dao thử bám dính sơn	Trung quốc	Cái	01	
61	Thiết bị đo chiều dày sơn	Trung quốc	Bộ	01	

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
62	Thiết bị đo thời gian khô hoàn toàn sơn Model: JLD-8612	Trung quốc	Bộ	01	
63	Bộ thí nghiệm Bentonite	Trung quốc	Bộ	01	
64	Thiết bị thử va đập ống nhựa, kính gồm cả quả tải	Việt Nam	Bộ	01	
65	Dao cắt cao su, băng cản nước	Trung quốc	Cái	01	
66	Bộ đo E bằng tấm ép cứng	Việt Nam	Bộ	01	
67	Thước 3m với thước đo độ võng, loại gấp đôi.	Trung quốc	Bộ	01	
68	Bộ xác định độ nhám mặt đường bằng PP rắc cát.	Trung quốc	Bộ	01	
69	Bơm điện van tay 1 chiều dùng cho kích 30 tấn và kích 150 tấn	Trung quốc	Chiếc	01	
70	Phễu rót cát, bằng nhôm	Việt Nam	Bộ	03	
71	Bộ dao vòng lấy mẫu hiện trường	Việt Nam	Bộ	02	
72	Máy cắt kim loại	Trung quốc	Chiếc	01	
73	Bộ xi lanh nén đập đá dăm D150 mm	Việt Nam	Cái	02	
74	Bộ xi lanh nén đập đá dăm D75 mm	Việt Nam	Cái	02	
75	Phễu xác định độ xốp của đá	Việt Nam	Cái	01	
76	Phễu xác định độ xốp của cát	Việt Nam	Cái	01	
77	Khuôn Le Chatelier	Việt Nam	Cái	04	
78	Bình tỷ trọng xi măng có bầu 250ml (xác định khối lượng riêng của xi măng)	Trung quốc	Cái	02	
79	Phễu xác định độ sệt của vữa	Trung quốc	Cái	01	
80	Dụng cụ hấp phụ nước của cát (Bộ côn chày hấp phụ nước của cát)	Trung quốc	Bộ	01	
81	Bảng so màu	Việt Nam	Cái	01	
82	Bộ thí nghiệm xác định giới hạn chảy casagrande	Việt Nam	Bộ	01	
83	Bộ thí nghiệm giới hạn dẻo của đất.	Trung quốc	Bộ	01	
84	Kích đùn mẫu vụn nặng 4" và 6".	Trung quốc	Chiếc	01	
85	Bộ kim sắt xác định độ phong hoá của đá (3 chiếc/bộ)	Việt Nam	Cái	03	
86	Bộ gôi uốn thép tiêu chuẩn.	Việt Nam	Bộ	01	
87	Bộ gá kéo bu lông	Việt Nam	Bộ	01	
88	Bộ ép chẻ mẫu bê tông D150mm.	Việt Nam	Bộ	01	
89	Khuôn CBR tiêu chuẩn, đĩa phân cách CBR	Việt Nam	Bộ	09	
90	Bộ gá uốn mẫu bê tông	Việt Nam	Cái	01	
91	Gá uốn mẫu xi măng	Việt Nam	Cái	01	
92	Gá nén mẫu xi măng, vữa xi măng	Việt Nam	Cái	02	
93	Khuôn đúc mẫu bê tông thử nén 150x150x150mm, bằng nhựa	Việt Nam	Cái	15	
94	Khuôn đúc mẫu bê tông thử uốn 150x150x600mm, bằng thép	Việt Nam	Bộ	06	
95	Khuôn đúc mẫu xi măng 40x40x160mm	Việt Nam	Bộ	03	
96	Thân khuôn marshall	Việt Nam	Cái	20	

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
97	Cỗ, đế khuôn marshall	Việt Nam	Bộ	01	
98	Bộ gá ép mẫu marshall 2 nửa, bằng thép mạ kẽm.	Việt Nam	Bộ	01	
99	Bộ đế capping D150mm, mạ kẽm	Việt Nam	Bộ	01	
100	Khung thép ép công, ép nắp hồ ga.	Việt Nam	Bộ	01	
101	Cát chuẩn đúc xi măng	Việt Nam	Gói	30	
102	Cát chuẩn kiểm tra độ chặt hiện trường	Việt Nam	Kg	50	
103	Bột capping S280 (25kg/bao)	Việt Nam	Kg	25	
104	Thùng dung trọng 1,2,5,10,20 lít (Hộc đong)	Việt Nam	Bộ	02	
105	Bộ sàng cát tiêu chuẩn D300mm: 5; 2,5; 1,25; 0,63; 0,315; 0,14mm; đáy nắp.	Việt Nam	Bộ	01	
106	Bộ sàng đất tiêu chuẩn D300mm: 10; 5; 2; 1; 0,5; 0,25; 0,1mm; Đáy nắp.	Việt Nam	Bộ	01	
107	Bộ sàng đá tiêu chuẩn D300mm: 70; 40; 20; 10; 5; đáy nắp.	Việt Nam	Bộ	01	
108	Bộ sàng đá cấp phối D300mm : 50; 37,5; 25; 19; 9,5; 4,75; 2,36; 0,425; 0,075; đáy nắp.	Việt Nam	Bộ	01	
109	Bộ sàng cốt liệu BTN D300mm: 37,5; 25; 19; 16; 12,5; 9,5; 4,75; 2,36; 1,18; 0,6; 0,425; 0,3; 0,15 0,075; đáy nắp.	Việt Nam	Bộ	01	
110	PIPETTE 5,10;25;50 ML	Việt Nam	Cái	04	
111	Nhiệt kế 250 ⁰ C, 300 ⁰ C	Việt Nam	Cái	02	
112	Bình khối lượng riêng 1000ml	Việt Nam	Cái	02	
113	Bình tỷ trọng đất 100ml	Việt Nam	Cái	02	
114	Ống đong thủy tinh 250ml	Việt Nam	Cái	03	
115	Ống thủy tinh 100;250;500;1000ml	Việt Nam	Cái	04	
116	Bình hút chân không 2000ml,10000ml	Việt Nam	Cái	02	
117	Giấy lọc	Việt Nam	hộp	01	
118	Kính lúp	Việt Nam	Cái	01	
119	Thước kẹp thép 300mm	Việt Nam	Cái	01	
120	Thước đo độ thẳng bằng Nivo	Việt Nam	Cái	01	
121	Thước cặp điện tử 300mm, Insize, model: 1108-300	Trung Quốc	Cái	01	
122	Thước lá 500mm; 1000mm	Việt Nam	Cái	02	
123	Máy khoan rút lõi	Việt Nam	Chiếc	01	

Ghi chú:

- Danh mục trên không bao gồm tải trọng chuẩn, ... và hệ thống máy móc trang thiết bị phụ trợ khác;

- Các máy móc, thiết bị tại thời điểm, đều được kiểm tra bảo dưỡng định kỳ, đảm bảo luôn trong tình trạng sử dụng tốt;

- Các máy móc, thiết bị được kiểm định/ hiệu chuẩn đúng theo quy định.

DANH MỤC CÁN BỘ, THÍ NGHIỆM VIÊN

(Kèm theo quyết định số: 01/2026/QĐ-CBNLKĐXD ngày 04 tháng 04 năm 2026 của Công ty TNHH XD và TM Việt Bắc BQP)

ST T	Họ và tên	Chức Vụ	Công việc thực hiện	Chứng chỉ/chứng nhận nghiệm vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Tích	Trưởng phòng	Trưởng phòng thí nghiệm - Điều hành mọi công việc liên quan đến phòng thí nghiệm. - Chịu trách nhiệm chung về công tác quản lý chất lượng, công tác thí nghiệm của Phòng thí nghiệm xuất ra khỏi phòng trước khách hàng. - Quản lý chuyên môn và thực hiện thí nghiệm vật liệu trong phòng. - Thí nghiệm vật liệu hiện trường	- Kỹ sư thủy lợi - Quản lý phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017. - Thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng - Thí nghiệm kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc - Thí nghiệm vật liệu công trình giao thông.	Kiểm nhiệm
2	Nguyễn Việt Hoàng	Phó phòng	Phó phòng thí nghiệm. - Quản lý chuyên môn và thực hiện thí nghiệm vật liệu trong phòng. - Thí nghiệm vật liệu hiện trường	- Kỹ sư kỹ thuật công trình xây dựng - Quản lý phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017. - TNV kiểm tra chất lượng đường ô tô. - Thí nghiệm Vữa, bê tông xi măng và vật liệu chế tạo.	
3	Nguyễn Văn Tu	Thí nghiệm viên	Nhân viên phòng thí nghiệm. - Thí nghiệm vật liệu trong phòng. - Thí nghiệm vật liệu hiện trường	- Cử nhân cao đẳng giao thông vận tải - Thí nghiệm về phương pháp xác định tính chất cơ - lý của đất trong phòng thí nghiệm và hiện trường - Thí nghiệm về phương pháp xác định tính chất cơ - lý của Bê tông và vật liệu xây dựng - Kiểm tra chất lượng bê tông bằng phương pháp không phá hủy - Thí nghiệm về phương pháp xác định các tính chất cơ - lý của Bê tông, nhựa và vật liệu trong phòng và hiện trường	

ST T	Họ và tên	Chức Vụ	Công việc thực hiện	Chứng chỉ/chứng nhận nghiệm vụ	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> - Thí nghiệm hiện trường kiểm tra hệ thống chống sét - Thí nghiệm Kim loại và liên kết hàn - Phân tích hóa học cốt liệu và nước dùng cho vữa và bê tông -Thí nghiệm vật liệu công trình giao thông. 	
4	Nguyễn Đức Cường	Thí nghiệm viên	Nhân viên phòng thí nghiệm. <ul style="list-style-type: none"> - Thí nghiệm vật liệu trong phòng. - Thí nghiệm vật liệu hiện trường 	<ul style="list-style-type: none"> - Cử nhân cao đẳng giao thông vận tải - Thí nghiệm kiểm tra chất lượng đường giao thông 	
5	Nguyễn Thị Hà Thương	Thí nghiệm viên	Nhân viên phòng thí nghiệm. <ul style="list-style-type: none"> - Thí nghiệm vật liệu trong phòng. - Thí nghiệm vật liệu hiện trường 	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ sư kỹ thuật công trình xây dựng - Thí nghiệm Thép – kim loại mối hàn - Thí nghiệm viên ngắn hạn chuyên ngành xây dựng công trình giao thông - Thí nghiệm về phương pháp xác định các tính chất cơ – lý của đất trong phòng và hiện - Thí nghiệm về phương pháp xác định các tính chất cơ lý bê tông và vật liệu xây dựng - Thí nghiệm vật liệu nhựa đường đặc - Thí nghiệm vật vật liệu nhũ tương - Thí nghiệm dây dẫn điện và phương pháp đo điện trở tiếp địa - Thí nghiệm, kiểm định sơn, thạch cao, ván gỗ và vải địa kỹ thuật 	